



**Câu 11: Công dụng của vòng tiêu cự:**

- A) Điều chỉnh khoảng cách từ máy ảnh đến chủ đề.
- B) Điều chỉnh độ lớn hay nhỏ của chủ đề.
- C) Điều chỉnh khẩu độ ống kính.
- D) Điều chỉnh thời gian máy trập mở.

**Câu 12: Muốn xác định thời chụp cho bức ảnh ta có thể dùng thiết bị:**


- A) Quang kế.
- B) Vôn kế.
- C) Nhiệt sắc kế.
- D) Nhiệt kế.

**Câu 13: Thời gian máy (màn) trập đóng mở nhanh hay chậm do:**


- A) Nút tốc độ điều khiển.
- B) Nút ISO điều khiển.
- C) Vòng cự ly điều khiển.
- D) Vòng tiêu cự thay đổi.

**Câu 14: Ký hiệu  (Continuous) có công dụng:**


- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp từng kiểu một.
- D) Quay phim.

**Câu 15: Ký hiệu  (Single) có công dụng:**


- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp từng kiểu một.
- D) Quay phim.

**Câu 16: Ký hiệu  (Self timer) có công dụng:**


- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Quay phim.

**Câu 17: Ký hiệu  (Flash) có công dụng:**

- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp đèn điện tử.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Quay phim.

**Câu 18: Ký hiệu  (Macro) có công dụng:**

- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Quay phim.

**Câu 19: Ký hiệu  (Portrait) có công dụng:**

- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Chụp chân dung.

**Câu 20: Ký hiệu  (Landscape) có công dụng:**

- A) Chụp đèn điện tử.
- B) Chụp phong cảnh.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Chụp cảnh đêm.

**Câu 21: Ký hiệu  (Night Shot) có công dụng:**

- A) Chụp cảnh đêm.
- B) Chụp cận cảnh.
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Quay phim.

**Câu 22: Ký hiệu  (Sports) có công dụng:**

- A) Chụp liên tục.
- B) Chụp thể thao
- C) Chụp hẹn giờ.
- D) Quay phim.

**Câu 23: Sử dụng file Jpeg nhằm mục đích:**

- A) Tiết kiệm dung lượng thẻ nhớ và thời gian lưu ảnh.
- B) Lưu ảnh với thời gian nhanh nhất.
- C) Để phóng ảnh thật lớn.
- D) Sử dụng tối đa dung lượng của thẻ nhớ.

**Câu 24: Trong các định dạng file nén, định dạng nào cho chất lượng hình ảnh cao nhất:**

- A) File Jpeg Normal.
- B) File Jpeg Small.
- C) File Jpeg Basic.
- D) File Jpeg Fine.

**Câu 25: Định dạng kích cỡ nào sau đây cho chất lượng ảnh kém nhất:**

- A) 1MP (mega – pixel).
- B) 3MP (mega – pixel).
- C) 2MP (mega – pixel).
- D) 4MP (mega – pixel).

### BÀI 3: ỐNG KÍNH MÁY ẢNH

**Câu 1: Hình ảnh nhìn qua ống kính tiêu cự trung bình (normal) có độ lớn và khoảng cách:**

- A) Tương tự như nhìn vào kính phóng đại, góc nhìn nhỏ hơn  $30^{\circ}$ .
- B) Tương tự nhìn bằng mắt thường, có góc nhìn từ  $40^{\circ}$  đến  $46^{\circ}$ .
- C) Tương tự nhìn vào kính phóng ra xa, có góc nhìn lớn hơn  $60^{\circ}$ .
- D) Như nhìn bằng kính lúp.

**Câu 2:** *Muốn thu hình ảnh nhiều người trong khoảng không gian hẹp ta dùng ống kính:*

- A) Tiêu cự ngắn (wide).
- B) Tiêu cự trung bình (normal).
- C) Tiêu cự dài (télé).
- D) Tiêu cự thay đổi được (zoom).

**Câu 3:** *Hình ảnh thu được qua ống kính góc rộng (wide):*

- A) Như lớn lên và kéo gần lại.
- B) Góc nhìn rộng  $> 60^{\circ}$ .
- C) Thu được hình ảnh nhiều người trong khoảng không gian hẹp. Góc nhìn rộng  $> 60^{\circ}$ .
- D) Góc nhìn  $< 30^{\circ}$ .

**Câu 4:** *Ống kính có tiêu cự dài (télé) thì hình ảnh:*

- A) Như nhìn bằng kính lúp, góc nhìn  $\geq 60^{\circ}$ .
- B) Như nhìn ra xa, góc nhìn rộng hơn  $90^{\circ}$ .
- C) Như được phóng to lên và khoảng cách như gần lại.
- D) Như bình thường.

**Câu 5:** *Ống kính télé (tiêu cự dài) có:*

- A) Vùng ảnh rõ (VAR) cạn.
- B) Vùng ảnh rõ (VAR) sâu.
- C) Vùng ảnh rõ (VAR) trung bình.
- D) Vùng ảnh rõ (VAR) dài đến vô cực.

**Câu 6:** *Khi chụp ảnh với ống kính zoom muốn phóng to hay thu nhỏ chủ đề, ta điều chỉnh bộ phận nào:*

- A) Vòng tiêu cự.
- B) Vòng khẩu độ.
- C) Vòng cự ly.
- D) Vòng tốc độ.

**Câu 7:** *Hình ảnh thu được bằng ống kính tiêu cự cố định so với ống kính zoom cùng tiêu cự:*

- A) Độ sắc nét thấp hơn ống kính zoom.
- B) Độ sắc nét bằng ống kính zoom.
- C) Độ sắc nét cao hơn ống kính zoom.
- D) Chưa có thống kê so sánh.

**Câu 8:** *Trên ống kính có ghi thông số 1:2.8/35mm, đây là loại ống kính:*

- A) Tiêu cự ngắn (wide).
- B) Tiêu cự dài (télé).
- C) Tiêu cự trung bình (normal).
- D) Tiêu cự thay đổi được (zoom).

**Câu 9:** *Trên ống kính máy ảnh có ghi thông số 1:3.5-4.5/35-70mm, có nghĩa là:*

- A) Tiêu cự ống kính thay đổi được từ 35mm đến 70mm với khẩu độ thay đổi từ 3.5 đến 4.5.
- B) Tiêu cự ống kính thay đổi được từ 35mm đến 70mm với khẩu độ thay đổi từ 1 đến 3.5.
- C) Tiêu cự ống kính 35mm với khẩu độ thay đổi từ 1 đến 3.5.
- D) Tiêu cự ống kính 70mm với khẩu độ thay đổi từ 3.5 đến 4.5

**Câu 10:** *Trên ống kính của máy ảnh có ghi 1:2.0/58mm có nghĩa là:*

- A) Ống kính có đường kính cửa điều sáng tối đa  $d = 29$  mm.
- B) Ống kính có đường kính cửa điều sáng tối đa  $d = 58$  mm.
- C) Ống kính có đường kính cửa điều sáng tối đa  $d = 14,5$  mm.
- D) Ống kính có chiều dài là 29 mm.

**Câu 11:** *Tốc độ an toàn của ống kính được xác định:*

- A) Gắn sát với tiêu cự đang sử dụng của ống kính.
- B) Gắn với tiêu cự lớn nhất của ống kính.
- C) Gắn với tiêu cự nhỏ nhất của ống kính.
- D) Gắn sát với khẩu độ của ống kính.

**Câu 12:** *Muốn chụp ảnh với tốc độ thấp hơn so với tiêu cự ống kính mà ảnh không rung mờ, phải:*

- A) Mở lớn khẩu độ ống kính.
- B) Kèm máy thật chặt.
- C) Đóng nhỏ khẩu độ ống kính.
- D) Sử dụng chân máy.

**Câu 13:** *Trên vòng thông số kỹ thuật của ống kính máy ảnh có ghi MC có nghĩa:*

- A) Manual Continuous.
- B) Multi Coated.
- C) Macro Continuous.
- D) Manual Coated.

**Câu 14:** *Công dụng của vòng khẩu độ:*

- A) Điều chỉnh lượng ánh sáng vào máy nhiều hay ít và mở rộng hay thu hẹp vùng ảnh rõ tùy yêu cầu của ảnh.
- B) Điều chỉnh khả năng đóng mở của máy trập để tăng hoặc giảm lượng ánh sáng vào máy.
- C) Điều chỉnh chủ đề lớn hay nhỏ.
- D) Điều chỉnh chủ đề rõ hay mờ nét.

**Câu 15:** *Ý nghĩa của vòng khẩu độ:*

- A) Số khẩu độ càng nhỏ, cửa điều sáng càng lớn, ánh sáng vào máy càng nhiều.
- B) Số khẩu độ càng nhỏ, cửa điều sáng càng nhỏ, ánh sáng vào máy càng ít.
- C) Số khẩu độ càng nhỏ, cửa điều sáng càng nhỏ, ánh sáng vào máy càng nhiều.
- D) Số khẩu độ càng nhỏ, cửa điều sáng càng lớn, ánh sáng vào máy càng ít.

**Câu 16:** *Số khẩu độ càng nhỏ, cửa điều sáng càng lớn, ánh sáng vào máy nhiều thì:*

- A) Vùng ảnh rõ (VAR) càng sâu.
- B) Không xác định được vùng ảnh rõ.
- C) Vùng ảnh rõ (VAR) càng cạn.
- D) Xác định được vùng ảnh rõ  $\geq 5$  m.

**Câu 17:** *Ống kính có tiêu cự 80mm khi đặt khẩu độ 4 thì đường kính cửa điều sáng là:*

- A) Khoảng 0,05 mm.
- B) Khoảng 0,5 mm.
- C) Khoảng 20 mm.
- D) Khoảng 20 cm.

**Câu 18:** *Vòng xích độ (cự ly) dùng để:*

- A) Xác định lượng ánh sáng vào máy nhiều hay ít.
- B) Xác định thời gian đóng mở máy trập.
- C) Xác định khoảng cách từ máy ảnh đến chủ đề.
- D) Xác định vùng ảnh rõ (VAR).

**Câu 19:** *Ống kính có tiêu cự 135 mm thì vô cực ( $\infty$ ) của ống kính này là:*

- A) Khoảng 135 cm.
- B) Khoảng 1,35 m.
- C) Khoảng 13,5 m.
- D) Khoảng 135 m.

**Câu 20:** *Người ta đo được đường kính cửa điều sáng là 20 mm khi đặt ở khẩu độ 4 ( $F=4$ ) Vậy tiêu cự ống kính này là:*

- A)  $f = 80$  mm.
- B)  $f = 60$  mm.
- C)  $f = 40$  mm.
- D)  $f = 20$  mm.

**Câu 21:** *Ống kính có tiêu cự 50mm của máy ảnh sử dụng phim 135 fullframe có góc nhìn rộng khoảng:*

- A)  $46^\circ$ .
- B)  $60^\circ$
- C)  $90^\circ$ .
- D)  $120^\circ$ .

**Câu 22:** *Khẩu độ nào sau đây khi chụp cho vùng ảnh rõ cạn nhất:*

- A)  $F = 8$
- B)  $F = 5.6$
- C)  $F = 4$
- D)  $F = 2.8$

**Câu 23:** *Khi chụp ảnh khẩu độ nào sau đây cho ánh sáng vào máy ít nhất:*

- A)  $F = 8$
- B)  $F = 11$
- C)  $F = 16$
- D)  $F = 22$

**Câu 24:** *Khẩu độ nào sau đây cho cửa điều sáng mở lớn nhất:*

- A)  $F = 4$
- B)  $F = 5.6$
- C)  $F = 8$
- D)  $F = 11$

#### BÀI 4: CÁCH SỬ DỤNG MÁY ẢNH

**Câu 1:** *Thời chụp của bức ảnh dựa trên sự kết hợp của:*

- A) Tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng (ISO).
- B) Tốc độ, độ nhạy sáng, cự ly.
- C) Tốc độ, khẩu độ, cự ly.
- D) Khẩu độ, cự ly, tiêu cự.

**Câu 2:** *Nguyên tắc biến đổi thời chụp tương đương là:*

- A) Tăng 2 nấc tốc độ, mở lớn 1 khẩu độ.
- B) Giảm 1 nấc tốc độ, đóng nhỏ 1 khẩu độ.
- C) Tăng 2 nấc tốc độ, đóng nhỏ 1 khẩu độ.
- D) Giảm 1 nấc tốc độ, đóng nhỏ 2 khẩu độ.

**Câu 3:** *Vùng ảnh rõ là:*

- A) Khoảng không gian trước máy ảnh mà mọi vật trong khoảng không gian đó sẽ cho vào ảnh đầy đủ chi tiết nhất, sắc cạnh nhất.
- B) Khoảng không gian mà mọi vật trong khoảng không gian đó sẽ cho vào ảnh đầy đủ chi tiết nhất sắc cạnh nhất.
- C) Khoảng không gian trước máy ảnh mà mọi vật đó sẽ cho vào ảnh đầy đủ chi tiết nhất, sắc cạnh nhất.
- D) Khoảng không gian trước máy ảnh mà mọi vật nằm trong khoảng không gian đó sẽ cho vào ảnh đầy đủ chi tiết nhất.

**Câu 4:** *Các yếu tố ảnh hưởng đến vùng ảnh rõ gồm:*

- A) Tốc độ máy, khẩu độ ống kính, độ nhạy sáng (ISO).
- B) Độ nhạy, cự ly, khẩu độ.
- C) Khẩu độ ống kính, tiêu cự ống kính, cự ly.
- D) Độ nhạy, WB, kích cỡ ảnh.

**Câu 5:** Muốn ảnh có vùng ảnh rõ (VAR) bạn ta chọn:

- A) Cửa điều sáng lớn, tiêu cự ống kính dài, cự ly gần.
- B) Cửa điều sáng lớn, tiêu cự ống kính ngắn, cự ly gần.
- C) Cửa điều sáng lớn, tiêu cự ống kính dài, cự ly xa.
- D) Cửa điều sáng nhỏ, tiêu cự ống kính ngắn, cự ly xa.

**Câu 6:** Muốn thực hiện chụp một bức ảnh có vùng ảnh rõ sâu trên máy ảnh kỹ thuật số, nếu không dùng chế độ M ta cần chụp chế độ gì?

- A) Chọn chế độ A (Aperture) với cửa điều sáng lớn.
- B) Chọn chế độ P.
- C) Chọn chế độ A với cửa điều sáng nhỏ.
- D) Chọn chế độ S (Shutter speed).


**Câu 7:** Chụp ảnh chân dung nghệ thuật ta dùng:

- A) Ánh sáng thiên nhiên + cửa điều sáng nhỏ.
- B) Ánh sáng thiên nhiên + cửa điều sáng lớn.
- C) Ánh sáng nhân tạo + cửa điều sáng lớn.
- D) Ánh sáng nhân tạo + cửa điều sáng nhỏ.

**Câu 8:** Để chụp cận ảnh một bông hoa, khi chụp với máy KTS D. Cam hay B. Cam ta cần chọn:

- A) Biểu tượng .
- B) Biểu tượng .
- C) Biểu tượng .
- D) Biểu tượng .

**Câu 9:** Nếu trong đề thi thực hành có yêu cầu chọn chế độ chụp là nắng tốt thì ta sẽ chọn trên máy ảnh KTS:

- A)  (Flash)
- B)  (Daylight)
- C)  (Cloudy)
- D)  (Tungsten)

**Câu 10:** Nếu trong đề thi thực hành có yêu cầu chỉnh trên máy ảnh kích cỡ ảnh là tối đa thì ta sẽ chọn trên máy ảnh KTS:

- A) 4225 x 2810
- B) 3175 x 1880
- C) 3072 x 2304
- D) 645 x 456

**Câu 11:** Thời chụp nào sau đây tương đương với thời chụp 50/5.6 nhưng cho vùng ảnh rõ bạn nhất:

- A) 125/4
- B) 250/2.8
- C) 500/1.8
- D) 30/8

**Câu 12:** Thời chụp nào sau đây được coi là thời chụp tương đương của 125/8:

- A) 60/5.6
- B) 30/4
- C) 250/11
- D) 500/4

**Câu 13:** Chế độ chụp Auto trên máy ảnh kỹ thuật số có nghĩa là:

- A) Chế độ chụp tự điều chỉnh tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng.
- B) Chụp theo chương trình của nhà sản xuất để có ảnh tốt nhất (mà không hỗ trợ đèn điện tử).
- C) Tự động chọn độ nhạy, tốc độ và khẩu độ để có ảnh đúng sáng (có hỗ trợ đèn điện tử).
- D) Đặt khẩu độ, máy tự động điều chỉnh tốc độ. Dùng để chụp chủ đề đứng yên và cần xác định vùng ảnh rõ.

**Câu 14:** Chế độ chụp A (Aperture) hay còn gọi là Av có trên máy ảnh kỹ thuật số có nghĩa là:

- A) Chế độ chụp tự điều chỉnh tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng.
- B) Chụp theo chương trình của nhà sản xuất để có ảnh tốt nhất (mà không hỗ trợ đèn điện tử).
- C) Đặt tốc độ, máy tự động điều chỉnh khẩu độ. Dùng để chụp chủ đề di chuyển.
- D) Đặt khẩu độ, máy tự động điều chỉnh tốc độ. Dùng để chụp chủ đề đứng yên và cần xác định vùng ảnh rõ.

**Câu 15:** Chế độ chụp S (Shutter speed) hay còn gọi là Tv có trên máy ảnh kỹ thuật số có nghĩa là:

- A) Chế độ chụp tự điều chỉnh tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng.
- B) Chụp theo chương trình của nhà sản xuất để có ảnh tốt nhất (mà không hỗ trợ đèn điện tử).
- C) Đặt tốc độ, máy tự động điều chỉnh khẩu độ. Dùng để chụp chủ đề di chuyển.
- D) Đặt khẩu độ, máy tự động điều chỉnh tốc độ. Dùng để chụp chủ đề đứng yên và cần xác định vùng ảnh rõ.

**Câu 16:** Chế độ chụp P (Program) trên máy ảnh kỹ thuật số có nghĩa là:

- A) Chế độ chụp tự điều chỉnh tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng.
- B) Chụp theo chương trình của nhà sản xuất để có ảnh tốt nhất (mà không hỗ trợ đèn điện tử).
- C) Đặt tốc độ, máy tự động điều chỉnh khẩu độ. Dùng để chụp chủ đề di chuyển.
- D) Đặt khẩu độ, máy tự động điều chỉnh tốc độ. Dùng để chụp chủ đề đứng yên và cần xác định vùng ảnh rõ.

**Câu 17:** Chế độ chụp thủ công M (Manual) nếu ta thực hiện không tốt bước đặt thời chụp, ảnh sẽ ra sao?

- A) Chủ đề đúng sáng.
- B) Chủ đề không rõ nét.
- C) Chủ đề thiếu hay thừa sáng.
- D) Chủ đề lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

**Câu 18:** Với chế độ chụp thủ công M (Manual) nếu ta thực hiện không tốt bước thu ảnh (bấm máy sai kỹ thuật), ảnh sẽ:

- A) Chủ đề đúng sáng.
- B) Chủ đề không rõ nét.
- C) Chủ đề thiếu hay thừa sáng.
- D) Cả tấm ảnh rung mờ.

**Câu 19:** Khi chụp ảnh ở chế độ M (Manual), thời chụp chuẩn cho trời nắng tốt là:

- A) ISO 200, tốc độ 125, khẩu độ 16.
- B) ISO 100, tốc độ 125, khẩu độ 16.
- C) ISO 200, tốc độ 250, khẩu độ 16.
- D) ISO 100, tốc độ 125, khẩu độ 11.

**Câu 20:** Chế độ chụp M (Manual) trên máy ảnh kỹ thuật số có nghĩa là:

- A) Chế độ chụp tự điều chỉnh tốc độ, khẩu độ, độ nhạy sáng.
- B) Chụp theo chương trình của nhà sản xuất để có ảnh tốt nhất (mà không hỗ trợ đèn điện tử).
- C) Đặt tốc độ, máy tự động điều chỉnh khẩu độ. Dùng để chụp chủ đề di chuyển.
- D) Đặt khẩu độ, máy tự động điều chỉnh tốc độ. Dùng để chụp chủ đề đứng yên và cần xác định vùng ảnh rõ.

**Câu 21:** Khi chụp ảnh lấy khẩu độ làm chuẩn, ta chọn:

- A) Chế độ chụp A (Av).
- B) Chế độ chụp S (Tv).
- C) Chế độ chụp P.
- D) Chế độ chụp M.

**Câu 22:** Khi chụp ảnh lấy tốc độ làm chuẩn ta chọn:

- A) Chế độ chụp A(Av).
- B) Chế độ chụp S(Tv)
- C) Chế độ chụp P.
- D) Chế độ chụp M.

**Câu 23:** Trường hợp nào tốc độ ưu tiên:

- A) Chủ đề ở trạng thái động.
- B) Chủ đề ở trạng thái tĩnh (để tạo vùng ảnh rõ sâu hoặc cạn).
- C) Chủ đề và bối cảnh ở trạng thái động.
- D) Chủ đề và bối cảnh ở trạng thái tĩnh.

**Câu 24:** Trường hợp nào khẩu độ ưu tiên:

- A) Chủ đề ở trạng thái động.
- B) Chủ đề ở trạng thái tĩnh (để tạo vùng ảnh rõ sâu hoặc cạn).
- C) Chủ đề và bối cảnh ở trạng thái động.
- D) Chủ đề di chuyển, bối cảnh đứng yên.

**Câu 25:** Điều chỉnh hình ảnh lớn nhỏ ở máy D.Cam và B.Cam ta dùng phím:

- A) Chọn chế độ chụp.
- B) Chọn chức năng chụp Macro.
- C) Chọn Zoom W – T.
- D) Chọn chức năng chụp Flash.

**Câu 26:** Việc thiết lập ISO trên máy ảnh kỹ thuật số nhằm mục đích:

- A) Làm cho cường độ sáng phù hợp với chủ đề.
- B) Làm cho ảnh đúng thời chụp.
- C) Làm cho ảnh rõ nét hơn.
- D) Làm kích cỡ ảnh lớn hơn.

**Câu 27:** Nguyên nhân dẫn đến một ảnh bị mờ:

- A) Chủ đề ngoài vùng ảnh rõ hoặc bấm máy sai quy cách.
- B) Bối cảnh và chủ đề cùng trong vùng ảnh rõ.
- C) Không sử dụng chân máy.
- D) Sử dụng ống kính có tiêu cự quá dài (>400mm).

**Câu 28:** Trong trường hợp muốn định dạng (format) thẻ nhớ, giải pháp tối ưu nhất mà không làm hỏng thẻ là:

- A) Format thẻ trên máy vi tính.
- B) Dùng một máy ảnh khác để format.
- C) Format thẻ đó trên máy ảnh đang sử dụng.
- D) Xóa hết thông tin, dữ liệu.

**Câu 29:** Việc định dạng file và kích cỡ ảnh tùy thuộc:

- A) Nhu cầu của người sử dụng.
- B) Định dạng ở mức thấp nhất để tiết kiệm.
- C) Nên định dạng ở mức tối đa.

D) Nên định dạng ở mức trung bình để tiện việc xử lý.

**Câu 30:** Các kiểu định dạng hiện nay trong máy ảnh KTS là:

- A) RAW, Jpeg Normal, Jpeg Fine. B) BMP, JPG, DPD, DPF.  
C) PSD, PDD. D) RAW, PSD, JPEG.

## BÀI 5: BỐ CỤC CẤP 1, 2

**Câu 1:** Tác dụng của bố cục ảnh:

- A) Tạo cho bức ảnh được rõ nét. B) Làm tăng độ nét của bức ảnh.  
C) Làm chủ đề sáng hơn so với bối cảnh. D) Tạo chiều sâu, tạo sự cân đối cho bức ảnh.

**Câu 2:** Muốn diễn tả sự uy nghiêm, quyền lực, sức mạnh ta chọn loại đường nét:

- A) Đường thẳng đứng. B) Đường cong.  
C) Đường thẳng nằm ngang. D) Đường gấp khúc.

**Câu 3:** Đường nằm ngang (đường chân trời) diễn tả:

- A) Nghiêm trang, mạnh bạo, cương quyết. B) Rộng rãi, bao la, bát ngát.  
C) Dịu dàng, nhẹ nhàng, thơ mộng. D) Nguy hiểm, lo âu, trắc trở.

**Câu 4:** Muốn diễn tả sự mềm mại, uyển chuyển, tạo cảm giác trẻ trung, vui tươi ta chọn loại đường nét:

- A) Đường thẳng đứng. B) Đường cong.  
C) Đường thẳng nằm ngang. D) Đường gấp khúc.

**Câu 5:** Muốn diễn tả sự khó khăn, trắc trở tạo cảm giác lo âu ta chọn loại đường nét:

- A) Đường thẳng đứng. B) Đường cong.  
C) Đường thẳng nằm ngang. D) Đường gấp khúc.

**Câu 6:** Mỗi tấm ảnh nên sử dụng:

- A) 4 điểm mạnh. B) 2 điểm mạnh.  
C) 3 điểm mạnh. D) 1 điểm mạnh.

**Câu 7:** Chủ đề thường đặt ở vị trí:

- A) Giữa ảnh. B) 1/3 phía dưới ảnh.  
C) 1/3 phía trên ảnh. D) 1 trong 4 đường mạnh hoặc điểm mạnh.

**Câu 8:** Vị trí các đường mạnh trên tấm ảnh:

- A) 2/3 chiều ngang hay chiều dọc bức ảnh.  
B) Trung tâm tấm ảnh, chia ảnh làm hai phần bằng nhau.  
C) 1/3 hoặc 2/3 chiều ngang hay chiều dọc bức ảnh.  
D) Là các đường chéo trong ảnh.

**Câu 9:** Có hai loại bố cục chính trong nghệ thuật nhiếp ảnh:

- A) Bố cục không cân đối và bố cục rềm. B) Bố cục cân đối và bố cục hình học.  
C) Bố cục cân đối và bố cục không cân đối. D) Bố cục cân đối và bố cục chữ cái.

**Câu 10:** Bố cục bức ảnh được thực hiện chủ yếu:

- A) Trước khi bấm máy, do người chụp ảnh thực hiện.  
B) Sau khi chụp xong thấy ảnh chụp không đạt yêu cầu bố cục.  
C) Sau khi bấm máy.  
D) Sau khi chuyển chủ đề đến vị trí đúng bố cục.

**Câu 11:** Có 3 dạng bố cục phụ trong nhiếp ảnh nghệ thuật:

- A) Bố cục cân đối, bố cục không cân đối và bố cục cân đối không gian.  
B) Bố cục hình học, bố cục rềm và bố cục chữ cái.  
C) Bố cục hình tròn, bố cục hình tam giác và bố cục hình elip.  
D) Bố cục đường mạnh, bố cục điểm mạnh và 4 loại đường nét chính.

**Câu 12:** Bố cục bức ảnh là công việc của người chụp ảnh nhằm mục đích:

- A) Đưa chủ đề vào vị trí trung tâm bức ảnh.  
B) Hiệu chỉnh độ lớn của chủ đề và đưa chúng vào đường mạnh, điểm mạnh.  
C) Sắp xếp lại chủ đề, đưa chủ đề vào đường mạnh.  
D) Sắp xếp lại bố cục một lần nữa.

**Câu 13:** Muốn nổi bật chủ đề tấm ảnh, ta nên:

- A) Chọn hậu cảnh thật đơn giản để làm nổi bật chủ đề.  
B) Không cần chọn lựa hậu cảnh.

- C) Bỏ hẳn hậu cảnh.
- D) Chọn hậu cảnh thật rườm rà có cây cối, hoa lá tô điểm cho chủ đề.

**Câu 14:** *Để làm nổi bật chủ đề cần dựa vào các phương pháp:*

- A) Chủ đề rõ nét, bối cảnh mờ nhòe.
- B) Đóng nhỏ khẩu độ ống kính.
- C) Chọn tốc độ máy ảnh nhanh.
- D) Chọn tốc độ máy ảnh chậm.

**Câu 15:** *Khi chụp ảnh với yêu cầu “Chủ đề rõ nét, bối cảnh mờ nhòe”, ta chọn khẩu độ cho bức ảnh là:*

- A)  $F = 2.8$
- B)  $F = 5.6$
- C)  $F = 8$
- D)  $F = 11$

## ẢNH SINH HOẠT

**Câu 1:** *Ảnh sinh hoạt loại tương đối tĩnh là ảnh:*

- A) Không theo một chương trình đã định trước.
- B) Diễn ra không theo một chu kỳ nhất định.
- C) Chỉ diễn ra trong chương trình khuôn khổ đã định.
- D) Diễn ra không có sự chuẩn bị nào từ trước.

**Câu 2:** *Ảnh sinh hoạt tương đối động là ảnh:*

- A) Không diễn ra theo một chương trình đã định trước.
- B) Diễn ra không theo một chu kỳ nhất định.
- C) Chỉ diễn ra trong chương trình khuôn khổ đã định.
- D) Ảnh thể hiện các hoạt động đã được dàn dựng trước.

**Câu 3:** *Loại ống kính sử dụng thích hợp nhất trong ảnh sinh hoạt tương đối động là*

- A) Ống kính có tiêu cự dài.
- B) Ống kính có tiêu cự ngắn.
- C) Ống kính có tiêu cự thay đổi được.
- D) Ống kính có tiêu cự trung bình.

**Câu 4:** *Ảnh các vận động viên đang thi đấu trên sân bóng đá là:*

- A) Ảnh sinh hoạt tương đối tĩnh.
- B) Ảnh chân dung đặc tả.
- C) Ảnh sinh hoạt tương đối động.
- D) Ảnh chân dung lưu niệm

**Câu 5:** *Ảnh các học sinh đang trao đổi trò chuyện trên ghế đá ở một góc sân trường là:*

- A) Ảnh sinh hoạt tương đối tĩnh.
- B) Ảnh chân dung đặc tả.
- C) Ảnh sinh hoạt tương đối động.
- D) Ảnh chân dung lưu niệm.

**Lưu ý HS ôn lại Chân Dung Đối Xứng – Chân Dung Lưu Niệm và Chân Dung Đặc Tả**